

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Trọng Thơi và ông Trần Văn Cường.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Huế, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số N đường M, phường T, thành phố Huế, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số N đường M, phường T, thành phố Huế, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 31 tháng 12 năm 2024, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Nguyễn Quốc C quen và tìm hiểu nhau một thời gian. Sau đó chị M và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/8/2022 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường T, thành phố Huế). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà riêng ở địa chỉ Kiệt B đường P, phường T, thành phố Huế. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không quan tâm tới vợ con; hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống hạnh phúc với nhau nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc C.

Về con chung: Chị Lê Thị M trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Lê Đăng Kh, sinh ngày 17/5/2024, hiện do chị M nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Đăng Kh cho đến khi cháu Nguyễn Lê Đăng Kh trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Nguyễn Quốc C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 5 năm 2025, bị đơn là anh Nguyễn Quốc C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Lê Thị M quen và tìm hiểu nhau một thời gian. Sau đó anh C và chị M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/8/2022 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường T, thành phố Huế). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà riêng ở địa chỉ Kiệt B đường P, phường T, thành phố Huế. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh C thì anh C đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Quốc C trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Lê Đăng Kh, sinh ngày 17/5/2024, hiện con đang ở với chị M. Khi ly hôn, anh C đồng ý giao con cho chị M nuôi và anh C không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh C đang làm thợ xây dựng có thu nhập không ổn định, mỗi tháng thu nhập khoảng 04 triệu đồng. Chị M làm nghề buôn bán, thu nhập bình quân mỗi tháng bao nhiêu anh C không rõ.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Quốc C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại Hội liên hiệp Phụ nữ phường T, thị xã H, thành phố Huế (nay thuộc phường T, thành phố Huế) cho biết: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Quốc C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường T, thành phố Huế). Quá trình chung sống, chị M và anh C có 01 người con chung là cháu Nguyễn Lê Đăng Kh. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc chị M yêu cầu ly hôn với anh C thì phía Hội liên hiệp Phụ nữ phường T không rõ. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do bị đơn là anh Nguyễn Quốc C có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đồng thời ngày

11/6/2025 nguyên đơn là chị Lê Thị M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Nguyễn Quốc C; giao cháu Nguyễn Lê Đăng Kh, sinh ngày 17/5/2024 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Lê Đăng Kh trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Nguyễn Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Quốc C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Nguyễn Quốc C có địa chỉ cư trú tại số Số N đường M, phường T, thành phố Huế (nay thuộc phường T, thành phố Huế). Do vụ án đã được Tòa án nhân dân thị xã H (cũ) thụ lý đúng thẩm quyền nên nay vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Huế, thành phố Huế là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là anh Nguyễn Quốc C có đơn xin vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Quốc C có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2022 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường T, thành phố Huế) trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị M và anh C đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do hai vợ chồng

tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay và không còn quan tâm, yêu thương nhau. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Quốc C trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Lê Đăng Kh, sinh ngày 17/5/2024.

Xét yêu cầu nuôi con thì thấy rằng: Hiện nay cháu Kh đang ở với chị M. Chị M và anh C đều thống nhất ý kiến giao cháu Nguyễn Lê Đăng Kh, sinh ngày 17/5/2024 cho chị Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Khôi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của con dưới 36 tháng tuổi, cần giao cháu Kh cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Lê Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Quốc C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Quốc C không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M. Chị Lê Thị M được ly hôn anh Nguyễn Quốc C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Đăng Kh, sinh ngày 17/5/2024 cho chị Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Lê Đăng Kh trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Quốc C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Lê Thị M đã nộp theo biên lai số 0001522 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, thành phố Huế (nay thuộc Thi hành án dân sự thành phố Huế). Chị Lê Thị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết/tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế ;
- VKSND Khu vực 4 - Huế;
- UBND phường T, thành phố Huế;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú